

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 163/2026/DS-PT

Ngày: 23/3/2026

V/v: “*Tranh chấp hợp  
đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Thái Bình

*Các Thẩm phán:* Ông Vũ Đức Hùng, bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lương Mai Hân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:**  
Ông Đinh Văn Lai - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 14/2026/TLPT-DS ngày 05 tháng 01 năm 2026 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 95/2025/DS-ST ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 102/2026/QĐ-PT, ngày 09 tháng 2 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 102/2026/QĐ-PT, ngày 04 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Phan Thị H**, sinh năm 1972; Địa chỉ: Khu phố C, phường P, tỉnh Lâm Đồng (*Có đơn xin vắng mặt*)

- *Bị đơn:* Bà **Võ Thị L**, sinh năm 1964; Địa chỉ: Tổ dân phố A T, phường L, tỉnh Lâm Đồng (*Có mặt*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

*Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:* Do mối quan hệ quen biết, ngày 03/12/2021, bà C cho bà L vay số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng), lãi suất 1.67%/tháng, bà L hẹn khi nào bà cần thì báo trước và bà L sẽ trả trong vòng 10 (mười) ngày; Ngày 24/12/2021, bà L tiếp tục vay thêm của bà C số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng), lãi suất 1.67%/tháng.

Đến ngày 24/4/2022, do cần tiền giải quyết công việc nên nguyên đơn yêu cầu bà L trả lại 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) thì bà L có trả lại cho nguyên đơn 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng), do vậy, cùng ngày 24/4/2022, bà L ký giấy nợ nguyên đơn số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng), và bà gạch bỏ nội dung của 01 giấy vay một tỷ đồng. Như vậy, giữa các bên còn lại 01 giấy vay số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) và 01 giấy vay số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng). Các khoản vay, bà L trả lãi đầy đủ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận đến khoảng 01/2023 thì ngưng, không trả lãi nữa. Bà nhiều lần yêu cầu bà L trả tiền gốc và lãi nhưng bà L không thực hiện. Đến ngày 30/12/2024, các bên lập giấy xác nhận lại tất cả các khoản vay còn thiếu, bà L ký giấy xác nhận còn nợ bà số tiền 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng). Giấy xác nhận nợ có chữ ký, chữ viết của người cho vay là Phan Thị H và người vay tiền là Võ Thị L. Đồng thời, nguyên đơn gạch bỏ nội dung của giấy vay 01 tỷ đồng và giấy vay 500.000.000đ ngày 24/4/2022, giữa các bên chỉ còn lại giấy xác nhận nợ ký ngày 30/12/2024, lãi suất 1.67%/tháng, đối với khoản lãi còn nợ từ tháng 02/2023 đến thời điểm lập giấy xác nhận, bà L vẫn chưa trả cho bà. Nguyên đơn xác định tiền cho vay là tài sản cá nhân của bà, và bà chỉ yêu cầu bà Võ Thị L chịu trách nhiệm trả lại cho bà số tiền vay, không yêu cầu ai khác có trách nhiệm liên đới. Do nhiều lần yêu cầu nhưng bà L không trả tiền nên nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Võ Thị L trả cho bà số tiền gốc là 1.500.000.000đ và tiền lãi trong hạn là 851.700.000đ, lãi quá hạn là 37.500.000đ.

Tại phiên tòa, phía nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về phần tính lãi, cụ thể, nguyên đơn yêu cầu bà L trả cho bà tiền nợ gốc 1.500.000.000đ và tiền lãi từ ngày 01/3/2023 đến ngày xét xử với mức lãi suất 20%/năm là 600.000.000đ. Tổng cộng 2.100.000.000đ và tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất 20%/năm kể từ ngày 29/10/2025 cho đến khi bà L hoàn thành xong nghĩa vụ trả nợ.

*Bị đơn trình bày:* Bà thừa nhận bà và bà H có mối quan hệ quen biết và trong khoảng năm 2021 và 2022, bà có vay của bà Phan Thị H số tiền 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng). Bà đã trả được 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) tiền gốc, đối với tiền lãi của hai khoản vay, bà trả đầy đủ đến tháng 04/2023 thì ngưng không trả lãi nữa. Tiền lãi hàng tháng của các khoản vay là 35.000.000đ/1.000.000.000đ, cả hai khoản vay bà trả tiền lãi là 63.000.000đ/tháng. Trả lãi là đưa tiền mặt cho bà H chứ không làm giấy tờ gì. Bà xác định đây là khoản vay cá nhân của bà nên bà chịu trách nhiệm trả nợ cho bà H. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tại bản khai, bà thừa nhận bà chỉ còn nợ bà H số tiền vay gốc là 1.400.000.000đ (Một tỷ bốn trăm triệu đồng)

và đồng ý trả cho bà H khoản tiền lãi còn thiếu là 500.000.000đ. Tại phiên hoà giải, bà chỉ đồng ý trả cho bà H số tiền vay gốc là 1.400.000.000đ (Một tỷ bốn trăm triệu đồng), không đồng ý yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

Tại phiên toà, bị đơn xác định chỉ còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 1.400.000.000đ (Một tỷ bốn trăm triệu đồng), trường hợp nguyên đơn đồng ý thoả thuận thì bà đề nghị trả lại cho nguyên đơn tổng cộng 1.650.000.000đ (Một tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng) gồm 1.400.000.000đ (Một tỷ bốn trăm triệu đồng) nợ gốc và 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) tiền lãi, nếu nguyên đơn không đồng ý thì bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn không đồng ý thoả thuận theo đề xuất của bị đơn nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 95/2025/DS-ST ngày 28 tháng 10 năm 2025, Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng đã quyết định:

**Căn cứ vào:**

- Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 1 Điều 244, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

- Các Điều 353, 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H đối với bà Võ Thị L về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, cụ thể:

Buộc bà Võ Thị L phải trả cho bà Phan Thị H số tiền **2.100.000.000đ** (Hai tỷ một trăm triệu đồng) bao gồm **1.500.000.000đ** (Một tỷ năm trăm triệu đồng) nợ gốc và **600.000.000đ** (Sáu trăm triệu đồng) tiền lãi chưa thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm (28/10/2025)

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 05/11/2025, bà Võ Thị L kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng xem xét lại phần tính lãi của Tòa án cấp sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn giữ nguyên kháng cáo.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Thư ký, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân

sự; người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật. Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xử đã đúng quy định của pháp luật, kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm số 95/2025/DS-ST ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng. Đối với việc bị đơn tại cấp phúc thẩm có đơn và có lời trình bày đề nghị miễn án phí sơ thẩm và phúc thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Kháng cáo của bị đơn làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Nguyên đơn Phan Thị H khởi kiện yêu cầu bị đơn Võ Thị L trả tiền nợ gốc là 1.500.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất là 20%/1 năm tính từ ngày 01/3/2023 đến khi xét xử sơ thẩm, đồng thời tiếp tục trả lãi cho đến khi trả xong các khoản nợ.

[3] Nguyên đơn cung cấp cho Tòa án giấy xác nhận nợ thể hiện bà Võ Thị L có vay của bà Phan Thị H 02 lần, cụ thể: Ngày 03/12/2021, vay 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng); Ngày 24/4/2022, vay thêm số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng), lãi suất vay các bên thỏa thuận 1,67%/tháng, có chữ ký, chữ viết của bà Võ Thị L và bà Phan Thị H. Bị đơn thừa nhận chữ ký và chữ viết tên Võ Thị L trong giấy xác nhận nợ ngày 30/12/2024 là của bị đơn, không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết.

[4] Bị đơn thừa nhận có vay tổng cộng 2 tỷ đồng, nhưng đã trả 600.000.000 đồng, chỉ còn nợ lại 1,4 tỷ. Đồng thời quá trình vay bị đơn có trả lãi 35.000.000đ/1 tỷ, và đã trả lãi đến tháng 4/2023. Khi ký lại giấy xác nhận nợ vào ngày 30/12/2024 thì hai bên có thỏa thuận không tính lãi nữa. Bị đơn chỉ đồng ý trả tiền gốc là 1,4 tỷ và lãi là 250.000.000 đồng.

[5] Bị đơn nêu về tiền gốc còn lại và lãi đã trả nhưng không có chứng cứ nào để chứng minh. Nguyên đơn cung cấp được giấy xác nhận nợ ngày 30/12/2024, thể hiện còn hai khoản nợ là 1 tỷ đồng – vay ngày 03/12/2021 và 500.000.000 đồng vay ngày 24/4/2022, cũng trong giấy này có ghi lãi suất là 1,67%/ 1 tháng. Giấy này được bị đơn thừa nhận có lập, có ký. Như vậy, việc bị đơn cho rằng chỉ còn nợ 1,4 tỷ và không phải trả lãi nữa là không có căn cứ.

[5] Theo mức lãi suất mà nguyên đơn khởi kiện thì số tiền lãi đến khi xét xử sơ thẩm (từ ngày 01/3/2023 đến 28/10/2025) là 1.500.000.000đ x 20%/năm x 02 năm 07 tháng 27 ngày là 797.500.000 đồng, nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu số tiền lãi là 600.000.000 đồng. Cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả tiền gốc 1,5 tỷ đồng và tiền lãi là 600.000.000 đồng, tổng cộng là 2,1 tỷ đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn như trên là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị đơn kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xử không đúng về phần tiền lãi, đề nghị sửa bản án sơ thẩm về lãi phải trả nhưng không nêu ra được căn cứ theo quy định của pháp luật. Do đó kháng cáo của bị đơn không có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn đề nghị xem xét giảm bớt khoản tiền lãi, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để giảm tiền lãi cho bị đơn, nên không chấp nhận ý kiến xin giảm tiền lãi của bị đơn.

[6] Về án phí: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn có đơn đề nghị miễn án phí. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn có ý kiến xin miễn án phí sơ thẩm và phúc thẩm do là người trên 60 tuổi. Xét thấy bị đơn thuộc trường hợp được miễn án phí nhưng do tại cấp sơ thẩm, bị đơn chưa có đơn theo quy định nên cấp sơ thẩm đã buộc bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm. Nay bị đơn có đơn, nên đủ điều kiện để được miễn án phí. Do có tình tiết mới theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét sửa án sơ thẩm về phần án phí, miễn án phí sơ thẩm cho bị đơn, theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về án phí phúc thẩm: Bị đơn đã có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí và án phí, nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1, 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị L về nội dung tranh chấp, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 95/2025/DS-ST ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng, về phần án phí.

#### **Căn cứ vào:**

- Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 1 Điều 244, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 353, 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự;

- Điều 1 khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H đối với bà Võ Thị L về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, cụ thể:

Buộc bà Võ Thị L phải trả cho bà Phan Thị H số tiền 2.100.000.000đ (Hai tỷ một trăm triệu đồng) bao gồm 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng) nợ gốc và 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) tiền lãi chưa thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm (28/10/2025)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**2. Án phí.**

Miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho bà Võ Thị L.

Hoàn trả cho bà Phan Thị H số tiền 39.892.000đ (Ba mươi chín triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0012389 ngày 11/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi cũ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 23/3/2026.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh LĐ;
- TAND khu vực 15-LĐ;
- Phòng THADS khu vực 15-LĐ;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM  
PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thái Bình**